

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15 tháng 09 năm 2011 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 40% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất: Thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại;
- Kinh doanh dịch vụ địa ốc;
- Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ;
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được lập cho các khoản vốn Công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác nếu các tổ chức này bị lỗ tại ngày kết thúc niên độ kế toán (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.12 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.13 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng:
 - ✓ Đối với sản phẩm sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Đối với sản phẩm sách tham khảo và thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất là 5%.
 - ✓ Đối với sản phẩm lịch các loại và văn phòng phẩm: Áp dụng thuế suất là 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 25%. Trong năm 2011, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	15.215.000	9.401.420
Tiền gửi ngân hàng	1.060.888.553	909.374.772
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	8.638.484.210	4.000.000.000
Cộng	9.714.587.763	4.918.776.192

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

		31/12/2011		31/12/2010	
		Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn			748.995.000		748.995.000
- Cty CP Sách TBTH TP. Hồ Chí Minh (STC)	27.500		748.995.000	27.500	748.995.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			(570.245.000)		(440.995.000)
Cộng			178.750.000		308.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.997.637.085	1.487.830.882
Chi phí SX, KD dở dang	13.700.107.359	13.432.565.042
Thành phẩm	17.257.625.027	11.917.963.015
Hàng hóa	1.649.278.956	3.545.630.982
Cộng	35.604.648.427	30.383.989.921

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ cho hàng tồn kho	1.852.541.140	1.578.588.160
Cộng	1.852.541.140	1.578.588.160

9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	302.239.653	405.658.168
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Cộng	302.239.653	405.658.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	372.446.364	1.479.359.818	220.752.507	2.072.558.689
Mua sắm trong năm	-	32.168.182	264.433.181	296.601.363
Đ/tư XD CB h/thành	4.240.507.280	-	-	4.240.507.280
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	4.612.953.644	1.511.528.000	485.185.688	6.609.667.332
Khấu hao				
Số đầu năm	158.427.953	355.548.079	160.163.757	674.139.789
Khấu hao trong năm	270.766.743	249.255.545	42.814.445	562.836.733
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	429.194.696	604.803.624	202.978.202	1.236.976.522
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	214.018.411	1.123.811.739	60.588.750	1.398.418.900
Số cuối năm	4.183.758.948	906.724.376	282.207.486	5.372.690.810

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là 148.007.054 đồng.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài với nguyên giá 4.580.225.520 đồng tại 247 Hải Phòng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Công ty không trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình này. Quyền sử dụng đất này là tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay ngắn hạn tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga.

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5.449.500.000		5.449.500.000
+ Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng (i)	220.000	2.530.000.000	220.000	2.530.000.000
+ Công ty CP Sách TBTH Bình Định	291.950	2.919.500.000	291.950	2.919.500.000
Đầu tư dài hạn khác (cổ phiếu)		6.350.000.000		6.350.000.000
+ Công ty CP Dịch vụ Xuất bản GD Đà Nẵng	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa (i)	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
+ Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam (i)	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.825.795.029)		(321.145.000)
+ Dự phòng giảm giá (ii)		(1.751.700.000)		(321.145.000)
+ Dự phòng tổn thất vốn đầu tư (iii)		(74.095.029)		-
Cộng		9.973.704.971		11.478.355.000

(i) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của chúng tại thời điểm 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá trị ghi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

nhận của các khoản đầu tư này là hợp lý. Do đó, giá trị các cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Là dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Bình Định (BDB). Cơ sở trích lập dự phòng là chênh lệch giữa giá gốc và giá giao dịch bình quân của cổ phiếu này tại ngày 31/12/2011 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ.

(iii) Là dự phòng tổn thất vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp Hòa Cầm (*)	1.066.893.676	1.136.097.592
Tiền thuê văn phòng làm việc công ty	278.250.000	
Cộng	1.345.143.676	1.136.097.592

(*) Công ty đã mua lại quyền thuê đất tại Khu công nghiệp Hòa Cầm của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/09/2009. Theo đó, thời hạn thuê đất sẽ kết thúc vào ngày 22/05/2027.

14. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	14.000.000.000	8.400.000.000
- Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	14.000.000.000	8.400.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	14.000.000.000	8.400.000.000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.028.309.471	706.879.739
Thuế thu nhập cá nhân	45.832.750	5.477.965
Cộng	2.074.142.221	712.357.704

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	69.957.750	-
Kinh phí công đoàn	3.001.648	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.874.473.302	3.940.380.000
- Cổ tức phải trả	3.847.280.000	3.936.160.000
- Phải trả khác	27.193.302	4.220.000
Cộng	3.947.432.700	3.940.380.000

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2010	50.000.000.000	(152.063.710)	973.679.961	25.692.427
Tăng trong năm	-	(690.739.155)	442.236.809	8.847.936.174
Giảm trong năm	-	-	-	8.751.670.426
Số dư tại 31/12/2010	50.000.000.000	(842.802.865)	1.415.916.770	121.958.175
Số dư tại 01/01/2011	50.000.000.000	(842.802.865)	1.415.916.770	121.958.175
Tăng trong năm	-	(774.007.047)	528.845.763	10.576.915.266
Giảm trong năm	-	-	-	8.853.807.290
Số dư tại 31/12/2011	50.000.000.000	(1.616.809.912)	1.944.762.533	1.845.066.151

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vốn góp của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	28.091.000.000	29.202.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	1.909.000.000	798.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2011 Cổ phiếu	31/12/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	190.900	79.800
- Cổ phiếu thường	190.900	79.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.809.100	4.920.200
- Cổ phiếu thường	4.809.100	4.920.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	121.958.175	25.692.427
Lợi nhuận bổ sung (cổ phiếu quỹ không chia cổ tức)	-	3.200.000
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.576.915.266	8.844.736.174
Phân phối lợi nhuận	8.853.807.290	8.751.670.426
- Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	528.845.763	442.236.809
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (7%)	740.384.069	619.131.532
- Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát (3%)	317.307.458	265.342.085
- Chia cổ tức	7.267.270.000	7.424.960.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.845.066.151	121.958.175

Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011 theo kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 trong Nghị quyết đại hội cổ đông số 175/CV-DEIDCO ngày 20/04/2011.

18. Doanh thu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng doanh thu	92.703.511.709	77.428.266.853
+ Doanh thu sách giáo khoa	64.786.557.510	56.718.529.584
+ Doanh thu sách tham khảo	22.911.250.286	20.336.267.416
+ Doanh thu khác	5.005.703.913	373.469.853
Các khoản giảm trừ doanh thu	4.925.552.719	2.424.719.701
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	4.925.552.719	2.424.719.701
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	87.777.958.990	75.003.547.152

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn sách giáo khoa	45.925.047.019	38.712.283.816
Giá vốn sách tham khảo	11.709.752.512	12.041.726.709
Giá vốn hoạt động khác	4.046.834.791	348.205.540
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(132.251.604)	2.931.920.496
Cộng	61.549.382.718	54.034.136.561

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	584.768.332	341.668.750
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.395.577.000	378.989.100
Cộng	1.980.345.332	720.657.850

21. Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	1.165.669.637	568.257.043
Chiết khấu thanh toán	703.405.724	542.397.025
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.633.900.029	359.645.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	398.200
Cộng	3.502.975.390	1.470.697.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.631.128.077	11.750.465.141
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(892.769.157)	(127.549.272)
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	502.807.843	251.439.828
- Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	1.395.577.000	378.989.100
Tổng thu nhập chịu thuế	11.738.358.920	11.622.915.869
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	2.934.589.730	2.905.728.967
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (30%)	880.376.919	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.054.212.811	2.905.728.967
Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.576.915.266	8.844.736.174

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.576.915.266	8.844.736.174
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	10.576.915.266	8.844.736.174
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.894.772	4.977.078
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.161	1.777

24. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 20/04/2011 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 là 15%/vốn điều lệ. Theo đó, trừ cổ tức đã tạm ứng trong năm 2010 Công ty tiếp tục chi trả cổ tức còn lại 3.936.160.000 đồng (tỷ lệ 8% vốn điều lệ). Ngày 11/02/2011 là ngày đăng ký cuối cùng, thời gian trả cổ tức từ ngày 28/2/2011.

Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty số 498/CV-DEIDCO ngày 16/09/2011 đã quyết định chia cổ tức đợt 1 năm 2011 là 7%/vốn điều lệ tương ứng 3.419.990.000 đồng. Theo đó, ngày 07/10/2011 là ngày đăng ký cuối cùng, ngày giao dịch không hưởng cổ tức là ngày 05/10/2011.

Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty số 653/CV-DEIDCO ngày 05/12/2011 đã công bố tỷ lệ chia cổ tức đợt 2 năm 2011 là 8%/vốn điều lệ tương ứng 3.847.280 đồng. Theo đó, ngày 22/12/2011 là ngày đăng ký cuối cùng, ngày giao dịch không hưởng cổ tức là ngày 20/12/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.158.172.728	25.754.678.097
Chi phí nhân công	3.852.215.546	3.662.621.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	562.836.733	263.508.151
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.750.183.989	22.083.359.890
Chi phí khác bằng tiền	2.871.851.341	1.661.073.099
Cộng	67.195.260.337	53.425.241.187

26. Thông tin về các bên liên quan

a. Các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan

Các nghiệp vụ phát sinh	Mối quan hệ	Bán hàng VND	Mua hàng VND
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	74.200.000	28.191.668.648
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư	-	1.395.040.695
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư	30.943.822	6.729.562.305
Chi nhánh Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư	551.471.322	2.594.452.095
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Công ty nhận đầu tư	107.096.400	103.373.800
Công ty CP DV Xuất bản GD tại Đà Nẵng	Công ty nhận đầu tư	-	170.284.400
Công ty CP Sách - TBTH Bình Định	Công ty nhận đầu tư	6.391.547.004	266.096.307
Công ty CP In và DV Đà Nẵng	Công ty nhận đầu tư	371.694.000	391.598.256
Công ty CP Sách - TBTH Quảng Ngãi	Chung công ty đầu tư	4.986.370.659	494.392.271
Công ty CP In SGK Hoà Phát	Chung công ty đầu tư	229.931.205	2.124.583.556
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	1.512.372.268	31.964.348
Công ty CP SGD tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	417.880.860	299.363.280
Công ty CP ĐT&PT GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	634.740.506	2.520.389.045
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	3.146.989.812	2.567.149.064
Công ty CP Thiết kế và Phát hành SGD	Chung công ty đầu tư	11.503.800	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư	-	197.946.297
Công ty CP DV Xuất bản GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	1.106.935.699
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2 (miền Đông)	Chung công ty đầu tư	-	88.930.080
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư	432.203.640	-
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	325.092.912	660.642.379
Công ty CP Sách - TBTH Nghệ An	Chung công ty đầu tư	393.283.068	108.820.604
Công ty CP In- PHS & TBTH Quảng Trị	Chung công ty đầu tư	2.329.908.334	494.161.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Số dư với các bên có liên quan

Số dư với các bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu VND	Phải trả VND
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư		7.211.669.930
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư	3.386.243.273	-
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Công ty nhận đầu tư	46.106.250	-
Công ty CP DV Xuất bản GD tại Đà Nẵng	Công ty nhận đầu tư	11.838.730	-
Công ty CP Sách - TBTH Bình Định	Công ty nhận đầu tư	-	488.855.766
Công ty CP In và DV Đà Nẵng	Công ty nhận đầu tư	-	38.927.624
Công ty CP Sách - TBTH Quảng Ngãi	Chung công ty đầu tư	-	722.461.735
Công ty CP In SGK Hoà Phát	Chung công ty đầu tư	-	2.049.000
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	673.571.474
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	-	347.778.556
Công ty CP SGD tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	-	101.769.022
Công ty CP ĐT&PT GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	162.725.117	-
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	60.311.303	-
Công ty CP DV Xuất bản GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	11.838.730	-
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư	-	45.887.800
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	-	4.177.646
Công ty CP Sách - TBTH Nghệ An	Chung công ty đầu tư	-	231.822.024
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư	12.768.000	-
Công ty CP In- PHS & TBTH Quảng Trị	Chung công ty đầu tư	-	110.637.812
Công ty CP In- PHS & TBTH Quảng Nam	Chung công ty đầu tư	78.809.409	-

27. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

28. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi AAC.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Hồ Văn Linh

Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2012